

Số: 73/QĐ-THMT

Mỹ Lộc, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ TIẾN

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo (GDĐT) về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-SGDĐT ngày 11/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 3126/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Mỹ Lộc về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của UBND Phường Mỹ Lộc về việc triển khai thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Biên bản tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của Hội tự kiểm tra đánh giá mức độ chuyển đổi số trường Tiểu học Mỹ Tiến ngày 25 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của trường Tiểu học Mỹ Tiến đạt mức đáp ứng tốt (mức 3).

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá hoàn thiện Hồ sơ tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường báo cáo UBND Phường Mỹ Lộc đúng tiến độ để thực hiện bước đánh giá ngoài.

Điều 3. Các tổ chuyên môn, các đoàn thể và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Phường Mỹ Lộc;
- Như điều 3;
- Webside trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
MỸ TIẾN
Nguyễn Thị Thanh Sơn

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 73/QĐ-THMT ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Mỹ Tiến về việc Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2025-2026)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	91,5	Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75
1.1	Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)		Điều kiện bắt buộc	- Các kế hoạch, quy chế được ban hành và công khai trên cổng thông tin điện tử http://thmytien.ninhbinh.edu.vn/ và thông báo tới toàn bộ cán bộ, GV, NV của nhà trường từ đầu năm học.
1.2	Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		Điều kiện bắt buộc	
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	30	28	- Có hướng dẫn sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến (tên phần mềm, đường liên kết, vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên sử dụng) : Phần mềm OLM Có hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng: Phần mềm https://www.smas.edu.vn/ Thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống trên cổng thông tin của đơn vị: Phạm Thị Thu Thường – GV Tin học.
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	6	6	
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6	6	

1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6	6	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống với từng chức năng: Kết quả thực hiện tốt
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	6	6	
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6	4	
1.4	Số hóa các học liệu	10	10	- Số lượng học liệu được tính là số học liệu được cán bộ, giáo viên, nhân viên tạo mới trong năm học: 70 bài giảng và thiết bị dạy học số (theo đường link) https://thmytien.ninhbinh.edu.vn/tai-nguyen
1.5	Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	20	17	Đơn vị xây dựng quy chế/kế hoạch/văn bản triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính.
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	15	12	- Các văn bản thể hiện rõ tên giải pháp phần mềm, hình thức kiểm tra đánh giá. - Lưu các đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở thiết bị nhớ ngoài dự phòng của đơn vị.
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5	5	- Báo cáo, thông kê được số lượng các bài thi, kiểm tra, đánh giá tổ chức trên phòng máy;
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	20	18,5	Có kế hoạch triển khai tham gia các khoá bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	7 <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm;	- Có Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, kết quả bồi dưỡng trên hệ thống https://taphuan.csdl.edu.vn/ . - Tên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng: https://taphuan.csdl.edu.vn/

			>60%: tối đa 7 điểm	- Danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng https://thmytien.ninhbinh.edu.vn/tai-nguyen
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	5,5 <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	- Bảng thống kê số lượng, chia ra tỷ lệ giáo viên đáp ứng được từng tiêu chí /tổng số giáo viên đơn vị - 100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, Công thông tin điện tử...
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	6 10%: tối đa 2 điểm; 30%- 60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm	
1.7	<i>Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học</i>	20	18	- Có kế hoạch kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý hạ tầng CNTT cần bám sát nhu cầu sử dụng và đảm bảo hiệu quả. - Ban hành nội quy, phân công trách nhiệm quản lý, giám sát và vận hành;
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	8 Tỷ lệ phòng <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	- Có Bảng danh mục trang thiết bị các phòng học (17 phòng học và chức năng, Số 17 Tivi, kết nối internet, trang thiết bị khác). Thống kê, tổng hợp 100% các phòng học đảm bảo theo yêu cầu.

1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7	5 Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	- Bảng tổng hợp, thống kê số lượng phòng dạy môn tin học và trang thiết bị của phòng học của đơn vị: Có kết nối internet, mạng lan, 22 máy tính, 01 Tivi, 1 máy in, 1 loa, 10 tai nghe - Phòng thực hành môn tin học đảm bảo trang thiết bị dạy học tối thiểu môn tin học theo quy định hiện hành Mức 2: 02 học sinh/01 máy tính
1.7.3	Có phòng studio	5	5 Tối đa 5 điểm	- Phòng Studio gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử - Máy tính có cấu hình đủ mạnh để chạy các phần mềm biên tập phim, hình ảnh và âm thanh; - Thiết bị phụ trợ: trang bị thiết bị ghi hình, thu âm, loa, máy scan, máy in ...
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	95	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75
2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		<i>Điều kiện bắt buộc</i>	- Có quyết định của thủ trưởng đơn vị. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận, phân công nhiệm vụ các thành viên được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin http://thmytien.ninhbinh.edu.vn/ - Trong đó có phân công lãnh đạo phụ trách đ/c Nguyễn Thị Thanh Sơn và viên chức Phạm Thị Thu Thương – GV tin học làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thông kê giáo dục.
				- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch cần thể hiện mục

2.2	<i>Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</i>		<i>Điều kiện bắt buộc</i>	tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị. Tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị.
2.3	<i>Triển khai phần mềm quản trị nhà trường</i>	70	65	
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6	6	- Xây dựng và ban hành quy chế, quy định/ hướng dẫn sử dụng/phân công trách nhiệm về quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết bị của đơn vị. - Triển khai tới các thành viên có liên quan của đơn vị.
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6	6	
2.3.3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10	7 - File PDF: tối đa 3 điểm; - Áp dụng chứng thư số: + Chứng thư đối với Lãnh đạo, đầu đơn vị: tối đa 7 điểm	- Các hệ phần mềm được triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT. - Nhà trường đã triển khai các ứng dụng, phần mềm https://www.smas.edu.vn/ có khả năng kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT của Bộ GDĐT đã triển khai và theo kế hoạch chuyển đổi số của ngành. Phân hệ quản lý thư viện điện tử : http://tvthmytiennamdinh.nl.vn:90/ - Phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên

2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6	6	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/#menu-lesson-plan-all
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6	6	
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5	5	
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6	6	
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	5	5	
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	5	5	
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5	3	- Quản lý văn bản điện tử http://vpdtdn.vnptioffice.vn/ - Cổng thông tin điện tử http://thmytien.ninhbinh.edu.vn/
2.3.11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10	10	- Các phần mềm/phân hệ có kết nối trao đổi được dữ liệu https://www.smas.edu.vn/
2.4	Triển khai dịch vụ trực tuyến	30	30	- Các dịch vụ triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Tiêu chí 2.2). Công khai các quy chế/hướng dẫn sử dụng/mức thu

				(nếu có) đối với các dịch vụ trực tuyến
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.	12	12	- Sử dụng Sổ liên lạc ĐT với CMHS trên phần mềm https://www.smas.edu.vn/ -
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	8	8	Tuyển sinh đầu cấp trực tuyến trên phần mềm Olm
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	10	- Cung cấp tên phần mềm, ứng dụng đơn vị đã triển khai, tên nhà cung cấp của dịch vụ: JETPAY Thống kê, tổng hợp số tiền thu phí dịch vụ không dùng tiền mặt, tỷ lệ thu đạt 100%

Mỹ Lộc, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Thanh Sơn